TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2025
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và ông Nguyễn Tấn Để.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Diễm T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có đơn xin vắng mặt.*

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Hải D, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt lần 02 không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 2014 chị T và anh D kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không phù hợp nên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, không khắc phục được, vì vậy chị T và anh D sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh chị có 02

người con chung là Nguyễn Phạm Tuấn K, sinh ngày 21/10/2014 và Nguyễn Phạm Kim K1, sinh ngày 29/3/2019, hiện nay cả 02 đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 người con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không nợ người khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]- Bị đơn là anh D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

[3]- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn là chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh D vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và giao 02 người con cho chị T nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn là anh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh D theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Năm 2014 anh D và chị T đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh D vắng mặt nên không tiến hành hòa giải

được. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh D không đến dự, không thể hiện ý kiến và nguyện vọng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Nguyễn Phạm Tuấn K, sinh ngày 21/10/2014 và Nguyễn Phạm Kim K1, sinh ngày 29/3/2019, hiện nay 02 người con đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và Tuấn K có nguyện vọng sống chung với chị T.

Xét thấy, chị T yêu cầu nuôi 02 người con, anh D không có ý kiến gì, từ trước đến nay chị T nuôi dạy con tốt, hiện tại chị T đủ điều kiện nuôi con và cháu Tuấn K cũng có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T, giao Tuấn K và Kim K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị T nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Chị T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu gì khác; anh D cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Diễm T đối với anh Nguyễn Hải D. Cho chị T được ly hôn với anh D.

2- Về con chung: Giao Nguyễn Phạm Tuấn K và Nguyễn Phạm Kim K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Diễm T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005130 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Chị T và anh D vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND Đông Hưng A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận